

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KINH MÔN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2018/HS-ST

Ngày: 15/8/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quốc Huy

Bà Đinh Thị Tin

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Đức - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Đình Long - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 64/2018/HSST ngày 18/7/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn K, Sinh năm 1993

Nơi cư trú: Xóm 22, xã C huyện L, tỉnh Hà Nam

Tôn giáo: không; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Phạm Văn V và bà Nguyễn Thị T;

Tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Bản án số 140/2011/HSST, ngày 24/5/2011 của Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm – Thành phố Hà Nội xử phạt Phạm Văn K 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/5/2012, chấp hành xong phần thi hành án dân sự ngày 07/8/2011. Bản án số 10/2013/HSST, ngày 30/01/2013 của Tòa án nhân dân quận Tây Hồ - Thành phố Hà Nội xử phạt 40 tháng tù về tội Cướp giật tài sản. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/10/2015, chấp hành xong phần thi hành án dân sự ngày 15/8/2013.

Bị cáo bị bắt tạm giam tại Trại tạm giam Kim Chi- Công an tỉnh Hải Dương từ ngày 09/5/2018 đến nay. Có mặt.

- *Người bị hại:* Anh Lê Văn S, sinh năm 1986

Địa chỉ: Phố C, thị trấn K, huyện K, tỉnh Hải Dương

Có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Sáng ngày 01/5/2018, Phạm Văn K đến cửa hàng bánh mỳ làm thuê cho anh Lê Văn S, sinh năm 1986, ở: Phố Cộng Hòa, thị trấn K, huyện Kinh Môn. Đến khoảng 15 giờ 30 phút cùng ngày, K thấy có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave-RS biển kiểm soát: 89C1- 077.62 của anh S dựng ở trước cửa hàng, chìa khóa xe để trên tủ hàng bánh mỳ, anh S đang ngủ ở phòng trong, không có ai để ý. K nảy sinh ý định lấy chiếc xe mô tô trên đem bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. K lấy chiếc chìa khóa xe, mở khóa điện của chiếc xe mô tô trên rồi điều khiển đi đến huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam. Đến khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày tại một quán internet ở đường Thần Tu thuộc huyện Duy Tiên, K gặp một người tên Phúc, không biết tuổi, địa chỉ (là bạn quen biết xã hội), K giao chiếc xe trên cho Phúc nhờ đem đi cầm cố. Phúc đem xe đi, khi quay lại đưa cho K số tiền 1.000.000đồng, K đã chi tiêu cá nhân hết 700.000 đồng. Ngày 03/5/2018, anh S có đơn tố giác hành vi phạm tội của K.

Ngày 04/5/2018, Phạm Văn K đã đến Công an phường Đồng Mai, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội đầu thú và giao nộp số tiền 300.000 đồng.

Tại bản Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số: 32/HĐĐG ngày 07/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Kinh Môn kết luận: chiếc xe máy biển kiểm soát: 89C1- 077.62 trị giá 8.460.000đồng.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS, biển kiểm soát: 89C1 – 077.62, ngày 06/5/2018 anh Phạm Văn T, sinh năm 1984 trú tại: thôn Chính Lý, xã Lý Nhân, tỉnh Hà Nam (là anh trai K) đã gặp và trả cho 01 người thanh niên không biết tên, địa chỉ, số tiền 4.100.000 đồng để lấy lại chiếc xe trên giao nộp cho Cơ quan điều tra. Ngày 25/6/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Kinh Môn đã trả lại chiếc xe cho anh S, anh S không yên cầu K bồi thường về dân sự. Anh Phạm Văn T tự nguyện không yêu cầu K phải hoàn trả số tiền 4.100.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 65/CT- VKSKM ngày 17/7/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương truy tố bị cáo Phạm Văn K về Tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Bị cáo K khai nhận hành vi như đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử;

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn K phạm tội trộm cắp tài sản; Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015; Xử phạt bị cáo Phạm Văn K từ 12 đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/5/2018. Về vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; xử tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng thu giữ của bị cáo; Truy thu của bị cáo số tiền 700.000 đồng do được hưởng lợi bất chính sung công quỹ Nhà nước; Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Ngoài ra còn đề nghị xem xét buộc bị cáo phải nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan điều tra Công an huyện Kinh Môn, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị cáo đã khai nhận trong quá trình điều tra. Căn cứ vào lời khai của bị cáo khai trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu liên quan khác được thu thập trong quá trình điều tra; hiện có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 01/5/2018 tại cửa hàng bán bánh mì của anh Lê Văn S ở khu dân cư C, thị trấn K, huyện Kinh Môn, Phạm Văn K có hành vi lợi dụng sơ hở của người bị hại đã chiếm đoạt của anh Lê Văn S 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS, biển kiểm soát: 89C1- 077.62.

Xét, việc bị cáo K lợi dụng sơ hở của người bị hại trong việc quản lý tài sản đã lén lút chiếm đoạt của anh Lê Văn S 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS, biển kiểm soát: 89C1 - 077.62 và theo kết quả định giá tài sản trị giá xe mô tô là 8.460.000 đồng nên việc bị cáo K đã bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn truy tố về Tội trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ pháp luật, đúng người, đúng tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật hình sự của Nhà nước ta bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, làm cho quần chúng nhân dân trong địa bàn huyện Kinh Môn không yên tâm trong cuộc sống hàng ngày.

Bị cáo là người đã trưởng thành, có đủ năng lực nhận thức được việc làm của mình. Nhưng để có tiền tiêu sài cá nhân, vẫn cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo là người không chấp hành pháp luật, năm 2011 đã bị kết án về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, năm 2013 bị kết án về tội cướp giật tài sản. Do đó, cần có phải mức án phù hợp dành cho bị cáo mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo và góp phần vào việc đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng xét việc bị cáo là người lao động, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội, bị cáo sau khi thực hiện hành vi phạm tội đã đến Cơ quan công an để *đầu thú* nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015. Mặc dù có xem xét chiếu cố giảm cho bị cáo một phần hình phạt nhưng thấy vẫn phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian phù hợp.

Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, không có việc làm và thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Trong giai đoạn điều tra, anh Lê Văn S đã được nhận lại xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS, biển kiểm soát: 89C1 – 077.62, không yêu cầu bị cáo K phải bồi thường gì về dân sự nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết là đúng quy định.

Về vật chứng: Đối với số tiền 300.000 đồng bị cáo giao nộp trong quá trình điều tra. Xét, đây là số tiền thu lợi bất chính nên cần tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước là đúng quy định.

Về biện pháp tư pháp: Đối với số tiền 1.000.000 đồng bị cáo cầm cố trái phép xe mô tô trộm cắp của anh S, bị cáo đã nộp lại số tiền 300.000 đồng cho Cơ quan điều tra, số tiền 700.000 đồng còn lại đã chi tiêu cá nhân hết nên nay cần truy thu buộc bị cáo phải nộp sung công quỹ Nhà nước là đúng quy định.

Về án phí: Bị cáo bị xác định là phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án.

Trong vụ án này, đối với người đàn ông tên là Phúc có hành vi đem chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave RS, biển kiểm soát: 89C1 - 077.62 do K phạm tội mà có đi cầm cố. Quá trình điều tra chưa xác định được lý lịch, địa chỉ, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Kinh Môn tiếp tục làm rõ xử lý sau là có căn cứ, đúng quy định nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết;

Đối với việc anh Phạm Văn T, sinh năm 1984, trú tại: thôn C, xã L, tỉnh Hà Nam đã gặp và trả cho 01 người thanh niên không biết tên, địa chỉ số tiền 4.100.000 đồng để lấy lại chiếc xe mô tô hiệu Honda Wave RS, biển kiểm soát: 89C1 - 077.62 giao nộp cho Cơ quan điều tra. Anh T có lời khai tự nguyện không yêu cầu bị cáo K phải bồi thường trả anh T số tiền này, hiện không có tranh chấp gì về số tiền này nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về án phí Tòa án;

1. *Tuyên bố:* Bị cáo Phạm Văn K phạm tội trộm cắp tài sản.
2. *Xử phạt:* Bị cáo Phạm Văn K 12 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 09/5/2018.
3. *Về vật chứng, xử:* Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước số tiền 300.000 đồng thu giữ của bị cáo (*Số tiền có đặc điểm như trong biên bản giao nhận vật chứng lưu trong hồ sơ vụ án và đang được quản lý tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kinh Môn*);
4. *Về biện pháp tư pháp:* Truy thu của bị cáo Phạm Văn K số tiền 700.000 đồng do được hưởng lợi bất chính sung vào công quỹ Nhà nước.
Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.
5. *Về án phí, xử:* Buộc Phạm Văn K phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.
6. *Quyền kháng cáo:* Báo cho bị cáo biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án; Anh S có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật ./.

Nơi nhận:

- Bị cáo
- Người bị hại;
- Công an huyện Kinh Môn;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kinh Môn;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, lưu V.P.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Anh Tuyết